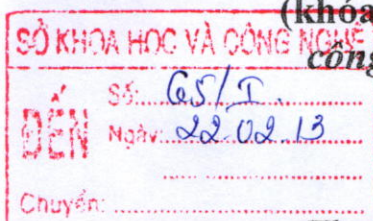


CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW Hội nghị Trung ương 6
(khóa XI) "*Về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp
công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường
định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*"



Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) "*Về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*". Ban Thường vụ Tỉnh ủy Trà Vinh xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết với những nội dung sau:

I.- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN:

Xác định khoa học và công nghệ là động lực quan trọng, là quốc sách để phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Thời gian qua, quán triệt Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) và kết luận Hội nghị Trung ương 6 (khóa IX) về giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ; Tỉnh ủy Trà Vinh xây dựng Chương trình hành động và lãnh, chỉ đạo triển khai thực hiện đạt được những kết quả quan trọng; vai trò khoa học và công nghệ ngày càng được nâng cao, đóng góp tích cực vào thành tựu chung về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nhiều đề tài, dự án khoa học được nghiên cứu, triển khai góp phần quan trọng trong việc cung cấp những luận cứ khoa học để xây dựng, hoạch định các chủ trương chính sách của Tỉnh ủy - Ủy ban nhân dân tỉnh trong quá trình lãnh, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; tạo ra nhiều phương pháp, mô hình sản xuất tiên tiến, hỗ trợ các doanh nghiệp cải tiến quy trình công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh; hạ tầng ngành khoa học và công nghệ được quan tâm đầu tư, quản lý Nhà nước về khoa học và công nghệ đạt hiệu quả.

Tuy nhiên, hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều hạn chế, chưa thật sự trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội. Việc huy động nguồn lực của xã hội vào hoạt động khoa học và công nghệ chưa được chú trọng; đầu tư cho khoa học và công nghệ chưa nhiều, hiệu quả chưa cao. Cơ chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ chậm được đổi mới. Công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển khoa học công nghệ chưa theo kịp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Thị trường khoa học và công nghệ phát triển chậm, chưa gắn kết chặt chẽ kết quả nghiên cứu, ứng dụng và đào

tạo với nhu cầu sản xuất, kinh doanh và quản lý; thiếu quan tâm tổng kết, ứng dụng nhân rộng các sản phẩm, sáng kiến, sáng tạo hiệu quả đội ngũ làm công tác khoa học công nghệ của tỉnh còn thiếu và yếu; thiếu chính sách thu hút và đãi ngộ nhân tài.

*** Những hạn chế trên là do:**

- Cấp ủy Đảng, chính quyền từng lúc, từng nơi nhận thức chưa thật đầy đủ về vị trí, vai trò của khoa học và công nghệ trong phát triển kinh tế - xã hội, chưa coi đây là một nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động của hệ thống chính trị; từ đó quan tâm đầu tư nguồn lực cho khoa học và công nghệ chưa tương xứng.

- Tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về khoa học và công nghệ từng bước còn chậm. Chưa có các giải pháp đồng bộ và cơ chế đặc thù cho công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ. Công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp trong triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ thiếu chặt chẽ.

- Một số doanh nghiệp đôi lúc thiếu sự quan tâm, chú trọng đầu tư khoa học và công nghệ phục vụ phát triển sản xuất.

II.- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU:

1/- Quan điểm:

- Phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là một trong những động lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; là nội dung cần được ưu tiên tập trung đầu tư trước một bước trong hoạt động của các ngành, các cấp. Sự lãnh đạo của Đảng, năng lực quản lý của Nhà nước và tài năng, tâm huyết của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ đóng vai trò quyết định thành công của sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ.

- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ về tổ chức, công tác xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ ở địa phương. Đào tạo phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ, sử dụng hợp lý hơn đội ngũ trí thức trong tỉnh.

- Ưu tiên và tập trung mọi nguồn lực phục vụ phát triển khoa học và công nghệ. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển hạ tầng, nâng cao đồng bộ tiềm lực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ. Chú trọng nghiên cứu ứng dụng và triển khai; coi doanh nghiệp và các đơn vị dịch vụ công là trung tâm của đổi mới ứng dụng và chuyển giao công nghệ. Quan tâm đúng mức đến nghiên cứu cơ bản, tiếp thu và làm chủ công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế của địa phương.

- Chủ động, tích cực mở rộng giao lưu học tập kinh nghiệm ở trong, ngoài nước để cập nhật tri thức khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới, khu vực và quốc gia. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên, nghiên cứu sinh, thực tập sinh sau khi được đào tạo ở trong, ngoài nước về làm việc cho tỉnh.

2/- Mục tiêu:

a)- Mục tiêu tổng quát:

Phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ, làm cho khoa học và công nghệ thật sự là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đưa tỉnh Trà Vinh phát triển ngang tầm với sự phát triển chung các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

b)- Mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2020, nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ của tỉnh đạt trình độ khá trong khu vực và cả nước. Đến năm 2030, tiềm lực khoa học và công nghệ của địa phương đáp ứng các yêu cầu cơ bản công nghiệp hóa theo hướng hiện đại.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả của các công trình nghiên cứu: Có 60% trở lên các kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ được ứng dụng, phục vụ trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh, quản lý Nhà nước và cải cách hành chính; có 80% trở lên các kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học xã hội và nhân văn được công bố, phổ biến và ứng dụng, phục vụ cho việc hoạch định chủ trương, chính sách của cấp ủy Đảng, chính quyền và yêu cầu phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị. Từng bước bảo đảm các sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất vệ sinh, an toàn thực phẩm và ô nhiễm môi trường được quản lý theo quy chuẩn kỹ thuật. Tăng hàm lượng khoa học của sản phẩm, tăng sức cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu xuất khẩu.

- Đến năm 2020, hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp khoảng 35% tăng trưởng kinh tế của địa phương. Xây dựng được một số sản phẩm mang nhãn hiệu, thương hiệu có tiềm năng, lợi thế giá trị đặc thù của tỉnh nhà. Giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt khoảng 30% tổng giá trị sản xuất công nghiệp; tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị đạt khoảng 20%/năm.

- Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị hiện đại cho các cơ sở nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ. Hình thành đội ngũ cán bộ có trình độ, đủ sức tổ chức nghiên cứu và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của

tỉnh. Đến năm 2020, phần đầu có trên 1.000 cán bộ có trình độ sau đại học ở tất cả lĩnh vực (trong đó có 50 đạt trình độ tiến sĩ).

III.- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP:

1/- Đổi mới tư duy, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ:

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng và chính quyền về vai trò của khoa học và công nghệ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xác định phát triển khoa học và công nghệ là một nhiệm vụ trọng tâm của các cấp ủy và chính quyền; là một trong những nội dung lãnh đạo quan trọng của người đứng đầu cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp trong hệ thống chính trị.

- Tiếp tục tổ chức học tập, quán triệt các Kết luận, Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, Chương trình, Kế hoạch thực hiện của Tỉnh ủy về phát triển khoa học và công nghệ, nhằm nâng cao hơn nữa trình độ nhận thức cho cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân, tạo sự đồng thuận trong toàn xã hội về vị trí và tầm quan trọng của khoa học và công nghệ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thật sự xem phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, là công cụ hữu ích để tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm, hàng hóa, tăng sức cạnh tranh của các doanh nghiệp, đáp ứng thị trường trong nước và xuất khẩu.

2/- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động khoa học và công nghệ:

a)- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý, phương thức đầu tư và cơ chế tài chính:

- Đổi mới cơ chế xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách đối với hoạt động khoa học và công nghệ phù hợp với đặc thù của lĩnh vực này gắn với nhu cầu phát triển của tỉnh, của từng ngành và địa phương; bảo đảm đồng bộ, gắn kết giữa định hướng phát triển dài hạn, chương trình phát triển trung hạn của từng ngành, từng địa phương với kế hoạch nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ hàng năm.

- Điều chỉnh phân bổ ngân sách Nhà nước cho hoạt động khoa học và công nghệ theo hướng căn cứ vào kết quả, hiệu quả sử dụng kinh phí của từng ngành, địa phương; khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kém hiệu quả.

- Triển khai thực hiện cơ chế đặt hàng, đấu thầu thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ chế khoán kinh phí đến sản phẩm cuối cùng theo kết quả đầu ra. Áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước, theo hướng giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho tổ chức, cá

nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; hình thành cơ chế đánh giá độc lập, tư vấn, phản biện, giám định xã hội đối với các hoạt động khoa học và công nghệ.

- Triển khai thực hiện cơ chế, chính sách của tỉnh một cách phù hợp để thúc đẩy đổi mới công nghệ theo hướng ứng dụng công nghệ mới, công nghệ hiện đại. Đầu tư về tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ đảm bảo tối thiểu 2% tổng chi ngân sách của tỉnh, đồng thời có cơ chế khuyến khích các nguồn tài chính từ các doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế, các hình thức vay ưu đãi để phát triển khoa học và công nghệ. Ngăn chặn có hiệu quả việc nhập công nghệ lạc hậu, công nghệ gây nguy hại đến sức khỏe con người, tài nguyên, môi trường, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

- Nghiên cứu mở rộng áp dụng cơ chế tài chính Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh; tạo điều kiện thuận lợi đầu tư đổi mới công nghệ, đầu tư nghiên cứu tạo ra sản phẩm mới, công nghệ mới.

b)- Đổi mới hệ thống tổ chức và hoạt động khoa học và công nghệ:

- Quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ bảo đảm hoạt động có hiệu quả, phù hợp với các mục tiêu và định hướng nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ trong từng giai đoạn. Xây dựng Trung tâm kiểm nghiệm, phân tích, dự trữ, bảo tồn gen của tỉnh đảm bảo đủ tiềm lực phân tích, kiểm nghiệm các sản phẩm phục vụ xuất khẩu cho các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế và nhu cầu quản lý Nhà nước của tỉnh; đầu tư xây dựng và nâng cấp các trạm, trại thực nghiệm phục vụ cho nghiên cứu và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đầu tư phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ ở các lĩnh vực được ưu tiên. Phát triển, nâng cao năng lực hệ thống các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ, đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

- Triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập về nhân lực, kinh phí hoạt động dựa trên kết quả và hiệu quả hoạt động.

- Tăng cường liên kết giữa tổ chức khoa học và công nghệ với doanh nghiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ, đào tạo nhân lực. Thí điểm thực hiện cơ chế hợp tác công - tư, đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Giao quyền sở hữu các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước cho cơ quan chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đồng thời có cơ chế phân chia hợp lý lợi ích giữa Nhà nước, cơ quan chủ trì và tác giả.

c)- Đổi mới quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, cơ chế, chính sách sử dụng và trọng dụng cán bộ khoa học và công nghệ:

- Quy hoạch phát triển nhân lực khoa học và công nghệ gắn kết chặt chẽ với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Tiếp tục thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ theo Đề án đào tạo nhân lực trình độ sau Đại học của tỉnh giai đoạn 2012 - 2016. Tạo môi trường thuận lợi, điều kiện vật chất để cán bộ khoa học phát triển tài năng và hưởng lợi ích xứng đáng với giá trị lao động sáng tạo. Nâng cao năng lực, trình độ và phẩm chất của cán bộ quản lý khoa học và công nghệ ở các ngành, các cấp.

- Nghiên cứu xây dựng chính sách trọng dụng đặc biệt đối với cán bộ khoa học đầu ngành, cán bộ khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ quan trọng có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của tỉnh, cán bộ khoa học và công nghệ trẻ, tài năng. Chủ động phát hiện và đào tạo, bồi dưỡng tài năng trẻ từ các trường phổ thông, cao đẳng, đại học.

- Sử dụng hiệu quả đội ngũ sinh viên, nghiên cứu sinh, thực tập sinh, chuyên gia học tập và làm việc ở nước ngoài. Có chính sách hỗ trợ cán bộ khoa học đi làm việc và thực tập có thời hạn tại các tổ chức, doanh nghiệp ở nước ngoài để giải quyết các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thiết của tỉnh.

- Đổi mới công tác tuyển dụng, bố trí, đánh giá và bổ nhiệm cán bộ khoa học và công nghệ. Có chính sách sử dụng cán bộ khoa học trình độ cao đã hết tuổi lao động có tâm huyết và còn sức khỏe làm việc vào công tác nghiên cứu khoa học. Triển khai giải thưởng khoa học và công nghệ, tôn vinh cán bộ có nhiều đóng góp quan trọng đối với sự nghiệp phát triển của tỉnh.

- Bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của tác giả các công trình khoa học và công nghệ; có chính sách đãi ngộ, khen thưởng đối với tác giả các công trình được công bố, các sáng chế được bảo hộ trong và ngoài nước.

d)- Kiện toàn, nâng cao năng lực bộ máy quản lý Nhà nước về khoa học và công nghệ:

- Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước về khoa học và công nghệ, bố trí đầy đủ biên chế đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo hướng tinh gọn, tập trung vào việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách; tăng cường điều phối liên ngành. Phân định rõ trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan nhà nước về khoa học và công nghệ đối với các ngành, địa phương.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả của bộ máy quản lý khoa học và công nghệ từ tỉnh, ngành, huyện thành phố theo phân cấp tại Thông tư liên

tịch số 05/2008/TTLT-BKHCN-BNV, ngày 18/6/2008 của Liên Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nội vụ. Sắp xếp, bố trí lại cán bộ phụ trách khoa học và công nghệ, chọn các cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực chuyên môn, có kinh nghiệm thực tiễn và năng động trong hệ thống quản lý.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý các vi phạm pháp luật; giải quyết kịp thời, dứt điểm các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo. Không ngừng nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về khoa học và công nghệ, về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ trên địa bàn tỉnh.

e)- Thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo, tư vấn, phản biện của các nhà khoa học:

- Tiếp tục phát huy mạnh mẽ vai trò của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội trong các hoạt động tư vấn, phản biện xã hội, vai trò xung kích của Đoàn thanh niên, Hội nông dân và các tổ chức, cá nhân trong phong trào thi đua sáng tạo, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ.

- Duy trì và nâng cao chất lượng các Hội thi Sáng tạo khoa học kỹ thuật cấp tỉnh và Hội thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng nhằm phát hiện, bồi dưỡng và tạo điều kiện cho các tập thể, cá nhân có những sáng tạo khoa học phát triển.

3/- Triển khai các định hướng nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu:

a)- Tăng cường nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu phục vụ hoạch định đường lối, chính sách phát triển đất nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh và mục đích công cộng:

Quan tâm nghiên cứu cơ bản có trọng điểm; ưu tiên một số lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ mà tỉnh có lợi thế; đẩy mạnh ứng dụng nghiên cứu cơ bản phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục nghiên cứu và triển khai ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học công nghệ, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ gắn với yêu cầu phát triển của từng ngành, từng lĩnh vực, từng sản phẩm; tập trung ứng dụng nhanh khoa học và công nghệ vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, các ngành công nghiệp mũi nhọn của tỉnh.

b)- Ưu tiên phát triển một số công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ liên ngành:

Tiếp tục đẩy mạnh việc tiếp nhận và ứng dụng, phát triển các công nghệ cao như công nghệ sinh học, công nghệ nano, công nghệ thiết kế, chế

tạo thiết bị, tự động hóa, vật liệu mới... vào điều kiện phát triển kinh tế của tỉnh. Phát triển công nghệ môi trường: xử lý nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, khí thải; ứng dụng công nghệ sản xuất sạch, công nghệ thân thiện với môi trường trong sản xuất, kinh doanh; phát triển công nghệ tái chế chất thải...

c)- Đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học và công nghệ trong các ngành, lĩnh vực, địa phương:

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ để khai thác có hiệu quả các lợi thế và điều kiện đặc thù của từng vùng, nhất là khu vực nông thôn, vùng có đông đồng bào dân tộc Khmer sinh sống. Hình thành mô hình liên kết giữa nghiên cứu - triển khai - ứng dụng - sản xuất kinh doanh; hướng vào khai thác các lợi thế của từng vùng; hình thành nên mỗi vùng có các sản phẩm chủ lực mang nét đặc thù riêng.

- Tiếp tục triển khai Chỉ thị số 63-CT/TW, ngày 28/02/2001 của Bộ Chính trị (khóa VIII) "*Về đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn*", Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 04/3/2005 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) "*về đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*". Phải xem công nghệ sinh học thật sự là nền tảng cho phát triển tạo ra giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao, phục vụ tốt nhu cầu chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh hàng hóa nông sản của tỉnh, đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu. Tập trung đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ chế biến, bảo quản sau thu hoạch và ứng dụng công nghệ cao.

- Đầu tư phát triển công nghệ cao lĩnh vực y tế phục vụ cho việc khám, chữa bệnh đạt chất lượng tại các bệnh viện trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ phục vụ xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, phát triển kinh tế biển, ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, quản lý và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên sẵn có hiện là tiềm năng và thế mạnh của tỉnh.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin theo Chỉ thị số 58-CT/TW, ngày 17/10/2000 của Bộ Chính trị; ứng dụng nhanh thông tin khoa học và công nghệ phục vụ phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, công nghiệp và dịch vụ. Xây dựng Trung tâm Thông tin

- Tư liệu khoa học và công nghệ của tỉnh.

4/- Phát huy và tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ:

- Tập trung đầu tư và phát triển các đơn vị hoạt động khoa học và công nghệ của tỉnh có đủ tiềm lực triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ.

- Xây dựng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, khoa học kỹ thuật phục vụ phát triển các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế Định An. Quy hoạch và phát triển các trung tâm, trạm, trại thực nghiệm của tỉnh, huyện gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của ngành, của từng địa phương. Phát triển các cơ sở ươm tạo khoa học và công nghệ.

- Đẩy mạnh và phát triển các doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hỗ trợ các doanh nghiệp thành lập tổ chức nghiên cứu và phát triển. Khuyến khích thành lập viện nghiên cứu và phát triển có vốn đầu tư nước ngoài và thành lập chi nhánh của các Viện nghiên cứu nước ngoài ở Trà Vinh.

5/- Phát triển thị trường khoa học và công nghệ:

- Tăng cường công tác triển khai các văn bản pháp luật về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo hướng hỗ trợ hiệu quả cho việc vận hành thị trường khoa học và công nghệ. Xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật trong giao dịch, mua bán các sản phẩm và dịch vụ khoa học và công nghệ.

- Phát triển mạng lưới các tổ chức dịch vụ kỹ thuật khoa học và công nghệ, môi giới, chuyển giao, tư vấn, đánh giá, thẩm định và định giá công nghệ của tỉnh. Triển khai thực hiện các quy định và tiêu chí đánh giá, định giá tài sản trí tuệ, chuyển nhượng, góp vốn vào doanh nghiệp bằng tài sản trí tuệ; các chính sách về hỗ trợ xác lập và bảo vệ quyền sở hữu tài sản trí tuệ, xây dựng thương hiệu và thương mại hóa sản phẩm.

6/- Tăng cường hợp tác về khoa học và công nghệ:

- Thực hiện tốt hợp tác liên kết trong thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ với các tổ chức khoa học và công nghệ trong và ngoài tỉnh. Thông qua các chương trình ký kết hợp tác của tỉnh với các Viện, Trường, cơ quan, ban ngành ở Trung ương và các tỉnh, thành phố trong nước để mời gọi chuyên gia trong và ngoài nước đào tạo phát triển nguồn nhân lực, phối hợp nghiên cứu triển khai, thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ góp phần phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của tỉnh.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi về đầu tư, đất đai, cơ sở hạ tầng, thủ tục hành chính... để tạo đột phá trong thu hút các chuyên gia, nhà khoa học và công nghệ trong, ngoài nước tham gia hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

IV.- TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1/- Các cấp ủy, tổ chức Đảng chỉ đạo quán triệt và tăng cường lãnh đạo, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương và Chương trình hành động của Tỉnh ủy...

2/- Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện; chỉ đạo, giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo chức năng và nhiệm vụ triển khai thực hiện. Thường xuyên giám sát, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện và kịp thời ban hành, điều chỉnh các chính sách, chương trình, kế hoạch, giải pháp cụ thể phù hợp với thực tế của địa phương, đảm bảo thực hiện Nghị quyết đạt hiệu quả cao nhất.

3/- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các Ban Đảng Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền nội dung Nghị quyết Trung ương, Chương trình hành động của Tỉnh ủy rộng rãi trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên các đoàn thể nhân dân; tạo sự đồng thuận, tích cực hưởng ứng, tham gia thực hiện.

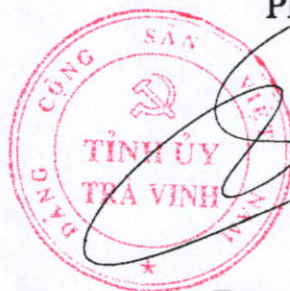
4/- Các Huyện ủy, Thành ủy cụ thể hóa, có kế hoạch thực hiện Nghị quyết Trung ương, Chương trình hành động của Tỉnh ủy phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương.

5/- Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với các Ban Đảng Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư (b/c),
- Văn phòng TW Đảng,
- Vụ B2-T.78 (TP HCM),
- VP Đảng ủy Quân Khu 9 (TP Cần Thơ),
- TT BCH Tây Nam bộ (TP Cần Thơ),
- Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh,
- Các HU, Thành ủy, ĐUTT Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các đ/c UV BCH Đảng bộ tỉnh,
- Lưu VPTU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Dương Hoàng Nghĩa